

Bản án số: 08/2018/HC-ST  
Ngày: 31 – 10 - 2018  
V/v kiện Quyết định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Việt Oanh
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy Hiền – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2018/TLST-HC ngày 23 tháng 01 năm 2018 về “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Phùng Thị B

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Đỗ Anh T (Có mặt)

Địa chỉ: Số x Liên gia xx, Buôn D, xã B, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người bị kiện:**

1. Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2. Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang T – C/vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H– C/vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Thành phố B theo Giấy ủy quyền số 02/UQ-CCT ngày 22/01/2018. (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/3/2018).

Địa chỉ: Số xx đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tân L – C/vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thống kê. Theo giấy ủy quyền ngày 17/4/2018 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/9/2018).

- **Người làm chứng:**

1. Ông Đặng D – sinh năm: 1943 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia x, tổ dân phố x, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Nguyễn Thị N – sinh năm: 1933 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số xxx đường Đ, tổ dân phố x, phường H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn V – sinh năm: 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ liên gia z, tổ dân phố x, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Phùng Thị B và người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Anh T trình bày:**

Bà Phùng Thị B là công nhân của Nông trường cao su 30/4 từ tháng 3/1978. Trong thời gian làm việc tại Nông trường do gia đình bà là gia đình chính sách, có nhiều khó khăn và chưa có nhà ở nên năm 1992 Nông trường đã hỗ trợ cấp đất và kinh phí xây nhà cấp 4 trên phần diện tích của Nông trường là 65m<sup>2</sup> tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, địa chỉ: tổ dân phố x, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 19/01/1993 thì công trình được xây dựng xong. Do vậy, Nông trường đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-NT ngày 19/01/1993 giao căn nhà tình nghĩa nói trên cùng phần diện tích đất cho bà. Gia đình bà sử dụng ổn định từ năm 1993 cho đến nay, không có tranh chấp gì. Quá trình sử dụng đất, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến năm 2009 mới được UBND phường H, thành phố B xác nhận vào đơn. Năm 2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Năm 2011, Văn phòng mới kiểm tra và lập phiếu hướng dẫn để bổ sung hồ sơ. Cuối năm 2013, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 xác định trường hợp của bà B phải nộp tiền sử dụng đất mức 40%, tương đương số tiền là 41.600.000 đồng.

Do không đồng ý với việc tính thuế này nên bà đã làm đơn khiếu nại và đã được Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B trả lời đơn khiếu nại theo Công văn 310/CV-TNMT ngày 05/11/2014 và không chấp nhận khiếu nại của bà. Mặc dù không đồng ý với việc trả lời này song do không am hiểu pháp luật nên sau đó bà B không tiếp tục làm đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

Đến năm 2017, bà B mới lại tiếp tục làm đơn khiếu nại và được giải quyết theo Công văn số 1998/CV-CCT ngày 13/11/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B, theo đó xác định việc ban hành Thông báo thuế ngày 25/11/2013 là đúng quy định của pháp luật. Bà B tiếp tục khiếu nại nhưng không được giải quyết. Do vậy, bà Phùng Thị B làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên hủy Công văn số 1993/CV-CCT ngày 13/11/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B và Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 của Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột. Vì bà Phùng Thị B đã nộp hồ sơ đầy đủ trước thời điểm Nghị định 120/NĐ-CP ngày 30/12/2010 có hiệu lực. Đồng thời, căn cứ vào khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, điều 10 Quyết định 03/2013/QĐ-UBND ngày 18/01/2013, bà Phùng Thị B thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất.

**Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Đức H trình bày:**

Ngày 26/9/2013, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B) chuyển hồ sơ của hộ bà Phùng Thị B đến Chi cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xx, địa chỉ: Phường H, thành phố B, diện tích 65m<sup>2</sup> đất ở đô thị. Theo đó xác định, hộ bà Phùng Thị B thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất theo trường hợp 40% giá đất. Căn cứ phiếu chuyển thông tin địa chính, các hồ sơ tài liệu liên quan và Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 11/01/2013 về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh; Chi cục Thuế đã tính và ra thông báo tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với thửa đất như sau: Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 với số tiền phải nộp là 41.600.000 đồng, Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà đất ngày 25/11/2013 với số tiền phải nộp là: 520.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được Thông báo của Chi cục Thuế thành phố B thì bà Phùng Thị B không đồng ý số tiền sử dụng đất thu 40% nên đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 08/11/2017, Chi cục Thuế nhận được phiếu chuyển số 354/PC-TH ngày 07/11/2017 kèm theo đơn kiến nghị đề ngày 02/11/2017 của bà Phùng Thị B với nội dung: "...kiến nghị về hành vi hành chính của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Buôn Ma Thuột vì đã cố ý ban hành Công văn số 310/CV-TNMT ngày 05/11/2014 để trả lời đơn khiếu nại cho bà là vi phạm Điều 6 Luật khiếu nại...như vậy việc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Buôn Ma Thuột chuyển thông tin địa chính với mức thu 40% tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 với số tiền 41.600.000 đồng là không đúng...". Như vậy, theo nội dung đơn kiến nghị của bà Phùng Thị B không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế thành phố B. Tuy vậy, Chi cục Thuế vẫn tiến hành kiểm tra lại hồ sơ lưu trữ tại Chi cục Thuế và ngày 13/11/2017 Chi cục trưởng đã ban hành Công văn số 1998/CV-CCt về việc trả lời đơn kiến nghị cho bà Phùng Thị B. Ngày 21/11/2017, bà Phùng Thị B tiếp tục khiếu nại đối với Công văn 1998/CV-CCT ngày 13/11/2017 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013. Nhận thấy việc khiếu nại của bà Phùng Thị B thuộc trường hợp không được thụ lý theo quy định tại khoản 9 Điều 2 và Điều 11 Luật khiếu nại. Mặt khác, thời hiệu khiếu nại đối với

Thông báo nộp tiền sử dụng đất đã hết theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật khiếu nại. Do đó, ngày 24/11/2017 Chi cục trưởng Chi cục Thuế đã ban hành Thông báo số 4272/TB-CCT về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Phùng Thị B.

Nay bà Phùng Thị B khởi kiện yêu cầu hủy Công bản 1998/CV-CCT ngày 13/11/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế và Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 với số tiền 41.600.000 đồng của Chi cục Thuế thành phố B thì Chi cục Thuế không đồng ý.

**Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B là ông Nguyễn Tấn L trình bày:**

Nguồn gốc đất của hộ bà Phùng Thị B được Nông trường 30/4 cấp năm 1992, không có giấy tờ cấp đất và bà Phùng Thị B được Nông trường 30/4 xây dựng nhà tình nghĩa theo Quyết định số 01/QĐ-NT ngày 19/01/1993. Bà Phùng Thị B nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất song qua kiểm tra hồ sơ thấy hồ sơ chưa đầy đủ thủ tục theo quy định. Do vậy, ngày 05/01/2011 văn phòng đã lập phiếu hướng dẫn hồ sơ để bà Phùng Thị B bổ sung. Đến ngày 15/8/2013, bà Phùng Thị B mới nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. Do vậy, căn cứ khoản 4 Điều 4 Nghị định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 thì thời điểm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ là ngày 15/8/2013.

Sau khi kiểm tra, ngày 26/9/2013 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với diện tích 65m<sup>2</sup> đất ở trong hạn mức (Theo giấy cam kết ngày 27/6/2013 của bà Phùng Thị B) với mức thi 40% giá đất và chuyển Chi cục Thuế xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định. Ngày 30/9/2013, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nghĩa vụ tài chính cho bà Phùng Thị B. Tuy nhiên, do xác định chưa đúng diện tích nên ngày 25/11/2013, Chi cục Thuế ban hành lại Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên cho bà B theo quy định.

Căn cứ nguồn gốc đất trên và thời điểm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiếp nhận hồ sơ thì trường hợp của bà Phùng Thị B phải nộp tiền sử dụng đất theo khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà Nguyễn Thị N làm công nhân tại Đội 4 của Nông trường từ năm 1976 đến năm 1984 thì thôi việc. Tuy nhiên, bà đã sinh sống tại địa phương tại liên gia z, tổ dân phố x, phường H, thành phố B từ năm 1976 cho đến nay. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bà và bà Phùng Thị B là hàng xóm với nhau. Trước đây, khi bà B làm công nhân của Nông trường thì sinh sống ở khu tập thể của Nông trường. Đến khoảng năm 1992, 1993 thì Nông trường 30/4 có xây cho bà B căn nhà tình nghĩa trên phần diện tích đất của Nông trường. Bà Phùng Thị B quản lý và sử dụng căn nhà tình nghĩa cùng phần diện tích đất mà hiện bà B đang sinh sống tại Tổ dân phố x, phường H, thành phố B trong cùng một thời điểm và cho đến nay không có tranh chấp gì.

**Người làm chứng ông Đặng D trình bày:** Ông làm công nhân tại Đội 4 của Nông trường cao su từ năm 1980 đến cuối năm 1993 thì ông xin thôi việc. Bản thân ông sinh sống tại Tổ dân phố x, phường H, thành phố B từ đó cho đến nay. Trong thời gian làm việc tại Nông trường thì bà Phùng Thị B cũng là công nhân làm cùng đội với ông và sống tại khu tập thể của Nông trường. Đến khoảng cuối năm 1992, đầu năm 1993 do điều kiện của bà B khó khăn và là con của liệt sỹ nên Nông trường có cấp kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa cho bà B trên phần diện tích đất của Nông trường tại Tổ dân phố x, phường H, thành phố B. Việc giao nhà tình nghĩa cùng việc cấp phần diện tích đất này cho bà B là cùng một thời điểm. Bà B sử dụng từ đó cho đến nay không có tranh chấp gì.

**Người làm chứng ông Nguyễn V trình bày:** Ông làm công nhân cho Nông trường cao su từ năm 1976 và đến tháng 12/1993 thì nghỉ chế độ hưởng lương hưu. Trong thời gian này, ông làm công nhân tại Đội 4 của Nông trường. Trong đội, có bà Phùng Thị B cũng là công nhân. Trước đây, bà B sống tại khu tập thể của Nông trường. Đến khoảng cuối năm 1992, đầu năm 1993 do gia đình bà B là gia đình có công với cách mạng, cha bà B là liệt sỹ; điều kiện của bà B cũng khó khăn nên Nông trường có cấp kinh phí và xây dựng căn nhà tình nghĩa trên phần diện tích đất của Nông trường. Việc giao căn nhà tình nghĩa cùng phần diện tích đất của Nông trường như hiện nay bà Phùng Thị B quản lý là cùng một thời điểm. Đồng thời, cho đến nay cũng không thấy có tranh chấp gì.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 130 Luật tố tụng Hành chính.

- *Về nội dung:* Năm 1992, Nông trường cao su 30/4 cấp và xây căn nhà tình nghĩa cho bà Phùng Thị B theo Quyết định số 01/QĐ-NT ngày 19/01/1993. Bà Phùng Thị B đã sinh sống ổn định và không có tranh chấp gì cho đến nay. Mặc dù, Nông trường cao su 30/4 cấp đất cho bà Phùng Thị B thuộc trường hợp cấp đất không đúng thẩm quyền. Song, tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định trường hợp hộ gia đình có “Giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất” thì không phải nộp thuế sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Chi cục Thuế thành phố B xác định bà B thuộc trường hợp phải nộp thuế sử dụng đất mức 40% theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 là không đúng quy định của pháp luật. Vì lẽ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phùng Thị B.

Đề nghị tuyên hủy Công văn 1998/CV-CCT ngày 13/11/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B và Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 của Chi cục Thuế thành phố B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/9/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Buôn Ma Thuột lập phiếu chuyển thông tin địa chính đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phùng Thị B và chuyển đến Chi cục Thuế thành phố B cùng các tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định số tiền sử dụng đất bà Phùng Thị B phải nộp. Ngày 25/11/2013, Chi cục Thuế đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất xác định số tiền thuế sử dụng đất bà B phải nộp bằng 40% giá đất là 41.600.000 đồng. Do không đồng ý với việc xác định của các cơ quan nói trên, bà B đã làm đơn khiếu nại và đã được Phòng tài nguyên và môi trường thành phố B trả lời đơn với nội dung không chấp nhận khiếu nại theo Công văn số 310/CV-TNMT ngày 05/11/2014. Tuy nhiên, đến ngày 02/11/2017, bà Phùng Thị B mới tiếp tục có đơn khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị: Hủy bỏ Công văn số 310/CV-TNMT ngày 05/11/2014, yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hủy bỏ toàn bộ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 vì bà thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất. Ngày 07/11/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột chuyển đơn khiếu nại của bà đến Chi cục Thuế thành phố B để giải quyết. Mặc dù, đơn khiếu nại của bà Phùng Thị B đối với việc xác định nghĩa vụ tài chính theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/11/2013 đã hết thời hiệu khiếu nại và có nội dung không thuộc thẩm quyền, song Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B vẫn trả lời đơn khiếu nại theo Công văn số 1998/CV-CCT ngày 24/11/2017 và xác định: Chi cục Thuế xác định nghĩa vụ thuế là đúng theo quy định của pháp luật. Bà Phùng Thị B tiếp tục khiếu nại nhưng không được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, đối với Công văn 1998/CV-CCT mặc dù có hình thức thể hiện là dạng công văn nhưng chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại trong việc thu nộp tiền thuế sử dụng đất. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị B đề nghị hủy Công văn 1998/CV-CCT ngày 24/11/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B và Thông báo thuế ngày 25/11/2013 của Chi cục Thuế thành phố B là nằm trong thời hiệu khởi kiện và đối tượng khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung nhận thấy:

Tại Quyết định số 01/QĐ-NT ngày 19/01/1993 của Nông trường Cao su 30/4 thì vào ngày 01/12/1992, Nông trường đã cấp kinh phí và khởi công xây dựng căn nhà tình nghĩa cho bà Phùng Thị B. Ngày 20/01/1993 Nông trường giao căn nhà nói trên cho bà Phùng Thị B sở hữu và sử dụng. Căn nhà này của bà Phùng Thị B hiện nằm trên thửa đất số 167, tờ bản đồ số 73, diện tích 65m<sup>2</sup>; tọa lạc tại tổ dân phố x, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là đất của Nông trường Cao su 30/4. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của những người cùng làm

công nhân và sinh sống cùng địa phương với bà Phùng Thị B là ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị N, ông Đặng D đều xác định phần diện tích đất bà Phùng Thị B đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của Nông trường. Thời điểm bà B quản lý phần diện tích đất này là cùng một thời điểm khi Nông trường giao căn nhà tình nghĩa cho bà. Như vậy, mặc dù không có quyết định cấp đất của Cơ quan có thẩm quyền song việc Nông trường Cao su 30/4 đã giao căn nhà tình nghĩa được xây trên phần diện tích đất của Nông trường tại Tổ dân phố x, phường H, thành phố B cho bà Phùng Thị B là thuộc trường hợp giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất không phải nộp tiền sử dụng đất.

Tuy nhiên, trong quá trình xác minh thu thập thông tin địa chính thì việc lấy ý kiến khu dân cư của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B không bao gồm ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích hiện tại của thửa đất là chưa phù hợp với quy định tại mục 1 phần I của Thông tư 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 nên đã xác định không đúng về nguồn gốc thửa đất. Đồng thời, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Chi cục Thuế thành phố B căn cứ vào Phiếu này và thời gian nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ để xác định trường hợp bà Phùng Thị B thuộc trường hợp cấp đất trái thẩm quyền và phải nộp 40% tiền sử dụng đất là chưa chính xác.

Từ những nhận định nêu trên và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị B. Tuyên hủy Công văn 1998/CV-CCT ngày 24/11/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B về việc trả lời đơn của bà Phùng Thị B và Thông báo thuế ngày 25/11/2013 của Chi cục Thuế thành phố B đối với bà Phùng Thị B.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh lại thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đối với bà Phùng Thị B theo hướng không phải nộp tiền sử dụng đất.

Về án phí: Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 193, Điều 194, Điều 195, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị B.

Tuyên hủy Công văn 1998/CV-CCT ngày 24/11/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B về việc trả lời đơn của bà Phùng Thị B và Thông báo thuế ngày 25/11/2013 của Chi cục Thuế thành phố B đối với bà Phùng Thị B.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh lại thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đối với bà Phùng Thị B theo hướng không phải nộp tiền sử dụng đất.

Về án phí: Chi cục Thuế thành phố B phải nộp 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm. Bà Phùng Thị B không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004991 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận :**

- VKSND, TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHA DSTP.BMT;
- Các đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hải An**